

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẮNG BÌNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ  
Ngày 07/4/2022  
Về việc: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẮNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Xuân Tiên

2. Bà Nguyễn Thị Liên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 263/2021/TLST-HN ngày 25/10/2021 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/HNGĐ-TA ngày 23/3/2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm: 1986 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 2, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*- Bị đơn:* Ông Đoàn Ngọc N - sinh năm: 1982 (vắng mặt không có lý do).

Trú tại: Tổ 2, thôn L, xã Bình C, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày trình bày:*

Tôi và ông Đoàn Ngọc N tự tìm hiểu và kết hôn vào ngày 27/3/2006, có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên mong Tòa cho tôi được ly hôn với ông Đoàn Ngọc N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Tình T – sinh ngày 01/02/2007, Đoàn Ngọc Khánh H – sinh ngày: 03/11/2009. Nguyên vọng của tôi xin nuôi 02 con, tôi không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung.

*\* Bị đơn ông Đoàn Ngọc N trình bày tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn tôi đồng ý với lời trình bày của bà T. Nay tôi còn thương vợ mong Tòa cho vợ chồng được đoàn tụ.*

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Tình T – sinh ngày 01/02/2007, Đoàn Ngọc Khánh H – sinh ngày: 03/11/2009. Nguyên vọng của tôi vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Đối với ông Đoàn Ngọc N không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T. Xử cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đoàn Ngọc N ly hôn.

Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị Kim T nuôi 02 con chung Đoàn Ngọc Tình T – sinh ngày 01/02/2007, Đoàn Ngọc Khánh H – sinh ngày: 03/11/2009 đến 18 tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Nhật cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thủ tục tố tụng:* Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn ông Đoàn Ngọc N cư trú tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đoàn Ngọc N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

*Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đoàn Ngọc N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 27/3/2006, có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông Đoàn Ngọc N. Về phía ông N thì thấy sai trái, xin khắc phục sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Xét việc xin ly hôn của bà T và yêu cầu xin đoàn tụ của ông N thì thấy: Mặc dù mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình khuyên bảo, can ngăn nhưng ông bà không thể khắc phục được sai lầm của mình. Tòa án đã tiến hành hòa giải, phân tích giải thích những mâu thuẫn của hai vợ chồng để hai vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau. Sau khi Tòa án hòa giải lần thứ nhất thì ông N không hợp tác cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Ông N yêu cầu xin đoàn tụ nhưng không có thiện chí, mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà T xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông Đoàn Ngọc N.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đoàn Ngọc N có 02 con chung Đoàn Ngọc Tình T – sinh ngày 01/02/2007, Đoàn Ngọc Khánh H – sinh ngày: 03/11/2009. Nguyên vọng của bà T xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của ông N mong vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con là trách nhiệm của cả mẹ và cha, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung. Theo các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì bà T có công việc làm ổn định, mức thu nhập đảm bảo để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Hiện nay các con của bà T và ông N đều trên 7 tuổi, các con đều có nguyện vọng ở với mẹ. Hơn nữa, ông N coi thường pháp luật, không có thiện chí hợp tác với tòa để giải quyết vụ án. Do đó, bà T có nguyện vọng xin nuôi 02 con là có căn cứ, đúng pháp luật nên xử giao con chung Đoàn Ngọc Tình T – sinh ngày 01/02/2007, Đoàn Ngọc Khánh H – sinh ngày: 03/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim T nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GD Việt Nam.

*Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Đoàn Ngọc N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

*Án phí LHST:* 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) xét buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà T đã nộp theo

biên lai thu số 0005579 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1/ Về quan hệ vợ chồng:** : Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T. Xử cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đoàn Ngọc N ly hôn.

**2/ Về con chung:** Xử giao cho bà Nguyễn Thị Kim T nuôi 02 con chung Đoàn Ngọc Tình T – sinh ngày 01/02/2007, Đoàn Ngọc Khánh H – sinh ngày: 03/11/2009 đến 18 tuổi trưởng thành

*Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Đoàn Ngọc N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3/ Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đoàn Ngọc N tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xét.

**4/ Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đoàn Ngọc N khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

**5/ Án phí LHST:** 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005579 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam.
- VKSND huyện Thăng Bình.
- THADS huyện Thăng Bình.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND Xã B.
- Lưu hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa**  
(Đã ký và đóng dấu)